CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
CẢNG VỤ HÀNG HẢI THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐIỀU ĐỘNG TÀU

Cảng vụ Hàng hải Thanh Hóa lập Kế hoạch điều động tàu vào, rời cảng
Từ 16 giờ 00 ngày 13 tháng 11 năm 2026 đến 16 giờ 00 ngày 14 tháng 11 năm 2026
tại khu vực Cảng biển Thanh Hoá như sau:

Thời gian	Tên tàu	Mớn nước (m)	LOA (m)	DWT	Tàu lai	Tuyến Luồng	Từ	Đến	Đại lý
A. KHU VỰC NGHI SƠN									
I. TÀU VÀO CẢNG									
1. Bến cảng TH PTSC Thanh Hóa		Cầu 01: L=165m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 02: L=220m đối với tàu DWT=70.000 giảm tải; Cầu 02: L=225m đối với tàu DWT=5.000 giảm tải.							
17:30	An Bình 99	5,4	83,83	3.526	NB 01	TH PTSC	Cầu 11	Cầu 1	Nil
06:40	REGNO MARINUS	5,4	210,00	49.669	BV-1158 TĐ 01+ SH 02	TH PTSC	P/s	Cầu 2	Nil
10:00	Thành Phát 25	5,4	79,96	4.615	Nil	TH PTSC	P0	Cầu 1	Nil
2. Bến cảng TH Đại Dương		Cầu 03: L= 225m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L= 225m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 05: L=210m; DWT= 60.000 giảm tải.							
23:20	NGUYỄN DƯƠNG 268	4,7	94,70	3.728	ĐD 06	TH ĐD	P/s	Cầu 3	Cập mạn tàu PIONEER MIRA
01:00	TRƯỜNG PHÚC 36	4	79,80	3.299	Nil	TH ĐD	P0	Cầu 4	Nil
07:00	TRƯỜNG HẢI 01	6,4	98,00	7.088	ĐD 06	TH ĐD	P/s	Cầu 4	Nil
07:20	THUẬN ĐẠT 126	4,7	79,90	4.172	Nil	TH ĐD	P0	Cầu 4	Cập mạn tàu TRƯỜNG PHÚC 36

3. Bến cảng TH Gama		L=210m; DWT = Trên 45.000 – 70.000 giảm tải; T≤ 10.6m.							
	N/A				Nil	TH G.MA	P0	Cầu 6	Nil
4. Bến cảng TH Long Sơn		Cầu 7: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤ 13.8m; Cầu 08: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤13.7m; Cầu 09: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải., Cầu 10: L166m; DWT= 20.000							
03:00	Vũ Đình 125	3,5	102,80	6.997	Nil	TH LS	P0	Cầu 7	Nil
06:00	Vũ Đình 18	3,0	89,68	5.484	Nil	TH LS	P0	Cầu 7	Cập mạn Vũ Đình 09
5. Bến cảng TH Quang Trung		Cầu 11: LTK= 250m; LSD= 205m; DWT= 5.000. T=5.5m							
18:20	Hùng Khánh 10	5,5	89,60	4.900	HC 06	TH QTr	P/s	Cầu 11	Nil
18:40	Nhật Minh 69	5,0	79,86	3.663	Nil	TH QTr	P/s	Cầu 11	Nil
6. Bến cảng TH Quốc Tế Nghi Sơn		Cầu 01: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 02: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 2A: L=147m; DWT=20.000; Cầu 03: L= 300m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L=300m; DWT=70.000 giảm tải; Cầu 05: LTK=250m; LSD=140m; DWT= 15.000.							
	N/A				VAS 3006	TH QT	P/s	Cầu số 2A	BFAST
7. Bến cảng Nhiệt điện NS1		Cầu cảng nhập than: L=130m; DWT=5.000; Cầu cảng nhập HFO: L=124m; DWT=3.000							
	N/A				Nil	CD NĐ1	P0	NĐ1	Nil
8. Bến cảng Nhiệt điện NS2		L= 226m; DWT= 18.000; mặt sàn công nghệ L= 22m							
	N/A				HVS48. TV2	CD NĐ2	Khu CT	NĐ2	Nil
9. Bến cảng CD XM Nghi Sơn		Cầu 01: L= 187m; DWT =37.000; Cầu 02: L=87; DWT= 5.300							

09:00	Minh Hằng 262	5,5	85,00	4.500	NS 02	CDXM	P/s	Cầu 2	Nil
16:00	Eminence	5,0	147,00	19.997	NS01;NS02	CDXM	P/s	Cầu 1	NSCC
10. Bến cảng CD XD Anh Phát		Cầu 01: L= 350m; DWT= 5.000; Cầu 02: L= 215m; DWT= 7.000							
	N/A				Nil	CD AP	P0	AP1	NSAgency
11. Bến cảng Lọc Hóa dầu NS		Cầu 1A: L= 166m; DWT= 15.000; Cầu 01B: L=192m; DWT= 10.000; Cầu 2A, 2B: L=170m; DWT= 12.825; Cầu 4A, 4B: L= 222m; DWT= 50.000 giảm tải.							
	N/A				PTSC 05 PTSC 06	LHD	P/s	Cầu 2A	Hàng Hải Nghi Sơn
II. TÀU RỜI CẢNG									
1. Bến cảng TH PTSC Thanh Hóa		Cầu 01: L=165m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 02: L=220m đối với tàu DWT=70.000 giảm tải; Cầu 02: L=225m đối với tàu DWT=5.000 giảm tải.							
19:00	ĐẠI TÂY DƯƠNG 26	4,2	79,99	3.791	Nil	TH PTSC	Cầu 1	P0	Nil
23:00	Huy Hùng 68	6,0	79,95	40.103	Nil	TH PTSC	Cầu 2	P0	Nil
12:00	An Bình 99	5,4	83,83	3.526	NB 01	TH PTSC	Cầu 1	P/s	Nil
2. Bến cảng TH Đại Dương		Cầu 03: L= 225m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L= 225m; DWT= 30.000 giảm tải; Cầu 05: L=210m; DWT= 60.000 giảm tải.							
22:00	HÙNG DŨNG 10	4,5	79,00	3.170	Nil	TH ĐD	Cầu 3	P0	Nil
04:40	MẶT TRỜI VIỆT 25	2.0	79,68	2.635	Nil	TH ĐD	Cầu 4	P/s	Nil
05:00	FIORE	11	190,00	55.848	ĐD 08 TĐ 01	TH ĐD	Cầu 5	P/s	Nil
3. Bến cảng TH Gama		L=210m; DWT = Trên 45.000 – 70.000 giảm tải; T≤ 10.6m.							

	N/A				Nil	TH G.MA	Cầu 6	P0	Nil
4. Bến cảng TH Long Sơn		Cầu 7: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤ 13.8m; Cầu 08: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; T≤13.7m; Cầu 09: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải., Cầu 10: L166m; DWT= 20.000							
17:00	Trường Hải 01	3,5	98,17	7.088	LS 136	TH LS	Cầu 9	P/s	Nil
02:00	V UNO	8,8	181,00	37.889	LS 135 LS 136	TH LS	Cầu 7	P/s	Nil
07:40	Tuấn Tài 39	3,0	79,75	3.150	Nil	TH LS	Cầu 9	P0	Nil
15:00	Vũ Đình 125	3,5	102,80	6.997	LS 136	TH LS	Cầu 7	P/s	Nil
5. Bến cảng TH Quang Trung		Cầu 11: LTK= 250m; LSD= 205m; DWT= 5.000. T=5.5m							
17:00	Khánh Minh 68	3,7	77,70	2.500	Nil	TH QTr	Cầu 11	P0	Nil
17:30	An Bình 99	5,4	83,83	3.526	HC 06	TH QTr	Cầu 11	Cầu 1	Nil
6. Bến cảng TH Quốc Tế Nghi Sơn		Cầu 01: L= 250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 02: L=250m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 2A: L=147m; DWT=20.000; Cầu 03: L= 300m; DWT= 70.000 giảm tải; Cầu 04: L=300m; DWT=70.000 giảm tải; Cầu 05:LTK=250m; LSD=140m; DWT= 15.000.							
	N/A				Nil	TH QT	Cầu số 02	P0	Nil
7. Bến cảng Nhiệt điện NS1		Cầu cảng nhập than: L=130m; DWT=5.000; Cầu cảng nhập HFO: L=124m; DWT=3.000							
	N/A				Nil	CD NĐ1	NĐ1	P0	Nil
8. Bến cảng Nhiệt điện NS2		L= 226m; DWT= 18.000; mặt sàn công nghệ L= 22m							
	N/A	5,6	145,00	180.000	HVS48. TV2	CD NĐ2	NĐ2	Khu CT	Hai Van

9. Bến cảng CD XM Nghi Sơn		Cầu 01: L= 187m; DWT =37.000; Cầu 02: L=87; DWT= 5.300							
08:00	Hà Hải 09	3,5	79,00	3.600	Nil	CDXM	Cầu 2	P0	Nil
15:00	Baltic ACE	9,0	179,00	33.000	Nil	CDXM	Cầu 1	P/s	Nil
10. Bến cảng CD XD Anh Phát		Cầu 01: L= 350m; DWT= 5.000; Cầu 02: L= 215m; DWT= 7.000							
	N/A				Nil	CD AP	AP1	P0	Nil
11. Bến cảng Lọc Hóa dầu NS		Cầu 1A: L= 166m; DWT= 15.000; Cầu 01B: L=192m; DWT= 10.000; Cầu 2A, 2B: L=170m; DWT= 12.825; Cầu 4A, 4B: L= 222m; DWT= 50.000 giảm tải.							
23:30	XING ZHONG HAI	7,0	115,80	10.210	PTSC 05 PTSC 06	LHD	Cầu 1A	P/s	Hàng Hải Nam Khanh
B. KHU VỰC LỆ MÔN									
Bến cảng lệ Môn		Chiều dài bến: L=110m; DWT=5000							
02:00	Quang Trung 09	2,0	56,9	997	Nil	Lệ Môn	Lệ Môn	P0	Nil
Ghi chú Tàu bổ sung, thay đổi kế hoạch									

Thanh Hoá, 17h00' ngày 12 tháng 11 năm 2026

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc (để b/cáo);
- Chi nhánh Hoa tiêu VI;
- Phòng AT&ANHH;
- Các Doanh cảng biển; (để t/hiện)
- Các Doanh nghiệp lai dắt;
- Lưu: QLKCHT.

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Mai Văn Khánh

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Duy Hiếu